TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 319/2025/HS-PT
Ngày: 04 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: ông Phạm Tồn
ông Trần Đức Kiên

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Duy Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 598/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo Foo Kok H và các bị cáo khác về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" "Rửa tiền"; Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

* Bị cáo có kháng cáo:

1. Foo Kok Heng, sinh ngày 29/11/1984, tại: Malaysia; nơi thường trú: Số A T, P Taman P, 47100 Puchong Selangor, Malaysia; nơi ở trước khi bị bắt tạm giam: Số D P, Phường C, Quận H, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phụ bếp; giới tính: Nam; quốc tịch: Malaysia; dân tộc: Hoa; tôn giáo: phật giáo; con ông: Foo Kee L, sinh năm: 1932 và bà Law Foo S, sinh năm 1947, cùng trú tại: Malaysia; tiền án, tiền sự: chưa xác định.

Bị cáo bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 20/7/2020, chuyển tạm giam ngày 29/7/2020; hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

2. Huỳnh Hữu H1, sinh ngày 20/01/1998, tại: tỉnh Bạc Liêu; nơi thường trú: ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 07/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Hữu Ẩ, sinh năm 1971 và bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1975; bị cáo khai sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1996, ở tỉnh

Cà Mau và có 01 con chung tên là Huỳnh Hữu K, sinh ngày 20/3/2017 (tuy nhiên bị cáo chưa cung cấp tài liệu để chứng minh); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 20/7/2020, chuyển tạm giam ngày 29/7/2020; đến ngày 16/12/2020 được thay thế từ biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh cho đến nay; hiện bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

3. Đỗ Bách T1, sinh ngày 21/7/1999, tại: thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nơi thường trú: thôn Đ, xã C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Đỗ Văn C (đã chết) và bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 20/7/2020. Ngày 23/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ra Quyết định không phê chuẩn Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, được trả tự do. Ngày 05/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; hiện bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

4. Nguyễn Thành L1, sinh ngày 07/01/1996, tại: huyện T, tỉnh Bình Định; nơi thường trú: thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1972; vợ là Võ Thị Thanh N (sinh năm 1996, nơi cư trú: xã P, huyện T, tỉnh Bình Định) và có con là Nguyễn Võ Gia L2 (sinh ngày 04/01/2023), tại phiên tòa bị cáo khai vừa sinh thêm 01 con vào ngày 15/09/2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, tạm giữ ngày 20/7/2020. Ngày 23/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam ra Quyết định không phê chuẩn Lệnh bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, được trả tự do. Ngày 05/10/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; hiện bị cáo đang tại ngoại; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Foo Kok H theo chỉ định: Luật sư Nguyễn Thanh T4, Văn phòng L8, Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Bách T1 theo yêu cầu của bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn H2 - Công ty L9, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L1 theo yêu cầu của bị cáo:

+ Luật sư Vũ Minh T5 - Văn phòng Luật sư Vũ Minh T5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q; có mặt.

+ Luật sư Nguyễn Duy S1 - Công ty L10 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có mặt.

* Bị hại:

1. Ông Trần Hữu D, sinh năm 1953; địa chỉ: Số D L, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị T6, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Ông Phan Hữu P, sinh năm 1985; địa chỉ: Số C Đường số F, khu phố D, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng M2, sinh năm 1993; nơi thường trú: thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; nơi tạm trú: Chung cư H L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M2 có:

- Luật sư Nguyễn Hồng H3, Công ty L11, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; vắng mặt.
- Luật sư Trương Quốc H4, Văn phòng L12, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: tầng E, số C T, Thanh N1, H, Hà Nội; có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Cẩm T7, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Huỳnh Quốc V, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Ngô Thị Kiều D1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ C, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Lâm Bá Q1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ông Trần Từ T8, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

7. Ông Huỳnh Phương Đ1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

8. Bà Đặng Bảo T16, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số G L, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Trương Ngọc V1, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số B C, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh..

10. Ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1996; nơi thường trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đăk Lăk; chỗ ở hiện nay: Đường số H, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Hồ Văn T9, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường D, phường N, quận S, Thành phố Đà Nẵng.

12. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

13. Bà Lê Thị L3, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số D đường D Khu N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

14. Bà Cao Thị Mai P2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện V, tỉnh Hưng Yên

15. Ông Lê Sỹ H5, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

16. Bà Cáp Thùy D2, sinh năm 1983. Địa chỉ: Số D G, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Bà Đào Thị K1, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ D, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

18. Bà Nguyễn Thị Bảo N2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số G H, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau

19. Bà Trương Hoàng H6, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số A N, phường H, quận H, Thành phố Đà Nẵng.

20. Bà Nguyễn Thị Thu L4, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số D Đường A, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội (số CCCD: 001195009506)

22. Ông Nguyễn Văn L5, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện T, Thành phố Hà Nội

23. Bà Hoàng Hải V2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số A Ngõ A T, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (Số C: 024184000220).

24. Ông Phan Nguyễn Tấn H7, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

25. Ông Trần Huy H8, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 311/20 Nguyên Tử Lực, Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

26. Bà Nguyễn Thị H9, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số C T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương

27. Bà Trần Thị Mỹ N3, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

28. Bà Tạ Thị Thu T10, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

29. Ông Huỳnh Vũ N4, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

30. Ông Trần Đường Linh T11, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

31. Ông Trương Trọng T12, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

32. Ông Nguyễn Quốc T13, sinh năm 1993. Địa chỉ: Căn hộ A V3 T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

* Người phiên dịch: ông Trần Hữu T14, sinh năm 1982 - Cộng tác viên biên, phiên dịch tại Phòng C2 tỉnh Quảng Nam. Địa chỉ: Số F N, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Vào các ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2020, ông Trần Hữu D và bà Đoàn Thị Thanh N5 được cuộc gọi điện thoại của đối tượng tự xưng cán bộ đang công tác tại Bộ C3, Công an thành phố H thông báo nội dung: ông D và bà T9 có liên quan đến vụ án mua bán trái phép chất ma túy, rửa tiền. Đối tượng yêu cầu ông D, bà T9 đăng ký dịch vụ Internet Banking, cung cấp mật khẩu, mã OTP tài khoản ngân hàng của ông D, bà T9 để đối tượng kiểm tra. Bằng thủ đoạn trên, nhóm đối tượng đã chiếm đoạt của ông D số tiền 8.000.000.000 đồng (gồm: tài khoản ngân hàng T19, số tài khoản 19035918813011 bị chiếm đoạt 3.000.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng S3 số tài khoản 040095580515 bị chiếm đoạt 5.000.000.000 đồng); chiếm đoạt của bà T9 số tiền 2.100.000.000 đồng (tài khoản Ngân hàng S3, số tài khoản: 040035921593). Ngày 29 và 30/5/2020 ông D, bà T9 làm đơn tố giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Q.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q tiến hành kiểm tra, xác minh, xác định: số tiền 10.100.000.000 đồng của ông D, bà T9 đã bị nhóm đối tượng chiếm đoạt rồi chuyển đến các tài khoản Ngân hàng gồm: tài khoản Ngân hàng T19 số 19035623251011 tên chủ tài khoản Trương Thị Cẩm T7 (đã bị Công an tỉnh B xử lý); tài khoản T19 số 19035806260011 và tài khoản BIDV bank số C tên Huỳnh Hữu H1. Từ các tài khoản này, số tiền tiếp tục được chuyển đến các số tài khoản gồm: tài khoản E số 224210301000226 tên Huỳnh Quốc V (đã bị Công an tỉnh B xử lý); tài khoản Eximbank số E, tài khoản ACB số A3, tài khoản T19 số 19035248517017, tài khoản S3 số 060227743363 tên Phạm Hữu Q2 (có sơ đồ, đường dẫn dòng tiền của người bị hại bị chiếm đoạt). Sau khi chuyển tiền sang nhiều tài khoản do đối tượng quản lý thì số tiền được chuyển vào tài khoản của Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Trọng M2, Phan Hữu P và các đối tượng bán đồng tiền mã hóa (USDT) tại Việt Nam để các đối tượng này bán và chuyển USDT cho nhóm đối tượng người nước ngoài.

Kết quả điều tra đã xác định được: Bùi Thị Thu L6, Foo K, Huỳnh Vũ B; Huỳnh Hữu H1; Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 (có lý lịch như đã nêu trên) đã thực hiện hành vi phạm tội cụ thể như sau:

1. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng (do Bùi Thị Thu L6 thực hiện) và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản (do F thực hiện):

Trong thời gian sinh sống tại Malaysia vào năm 2018, Bùi Thị Thu L6 có quen biết và chung sống như vợ chồng với Foo Kok H (quốc tịch Malaysia). Năm 2019, L6 quen biết đối tượng có tên là A.L1 (người Malaysia, không xác định được nhân thân, lai lịch) và được A.L1 thuê về Việt Nam mở tài khoản

Ngân hàng rồi chuyển sang Malaysia cho A.L1 sử dụng để nhận và chuyển tiền thì L6 đồng ý.

Tháng 8/2019, theo yêu cầu của A.L1, L6 và F về Việt Nam, L6 trực tiếp dùng thông tin cá nhân của L6 mở nhiều tài khoản Ngân hàng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, mua sim điện thoại gắn vào điện thoại (điện thoại do A.L1 mua và giao cho L6 mang về Việt Nam với mục đích, sau khi mở tài khoản Ngân hàng thì gắn sim điện thoại, đăng ký chuyển vùng quốc tế, đăng ký dịch vụ Internet banking, cài đặt ứng dụng chuyển tiền quốc tế qua dịch vụ Mobie banking), cài app chuyển tiền qua M banking vào điện thoại để A.Long quản lý, thực hiện các giao dịch nhận, chuyển tiền, mỗi tài khoản A.L1 trả cho L6 số tiền 300 Ringgit (ký hiệu là RM: tiền Malaysia) tương đương 1.700.000 đồng/tài khoản/tháng. Ngoài ra, mỗi lần có tiền đến tài khoản Ngân hàng do A.L13 quản lý thì A.L1 sẽ chỉ định tài khoản cần chuyển để L6 thực hiện việc chuyển tiền và L6 sẽ được hưởng thêm 1,5%/ tổng số tiền A.L1 chuyển đến và mỗi giao dịch được thực hiện L6 được hưởng thêm 5%.

Tháng 9/2019, nhiều tài khoản Ngân hàng của L6 mở giao cho đối tượng A.L1 sử dụng bị Cơ quan điều tra phong tỏa. L6 đã liên hệ Ngân hàng để kiểm tra thì được biết là do có liên quan đến hoạt động tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản (số tiền chuyển vào tài khoản của L6 rồi chuyển tiếp đến các tài khoản khác theo yêu cầu của A.Long là do từ hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà có). Từ đó, L6 và F biết được A.L1 sử dụng các tài khoản Ngân hàng của L6 vào mục đích nhận và chuyển tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau thời gian này, A.L1 yêu cầu L6 không sử dụng tài khoản Ngân hàng của L6 và người thân để nhận, chuyển tiền từ A.Long nữa mà thuê người khác mở tài khoản Ngân hàng để A.L1 thực hiện việc nhận và chuyển tiền. Mặc dù biết rõ A.L1 sử dụng các tài khoản Ngân hàng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng L6 và Foo K vẫn thực hiện và giúp A.L1 nhận, chuyển tiền do lừa đảo mà có để cùng hưởng lợi.

Tháng 10/2019, Bùi Thị Thu L6 và Foo K về Thành phố Hồ Chí Minh, thuê các đối tượng có tên Ngô Thị D1, Huỳnh Quốc V, Trương Thị Cẩm T7, Nguyễn Thị Kim X và một số đối tượng khác đến các Ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh mở khoảng 100 tài khoản thanh toán quốc tế với hạn mức cao nhất, mua sim thuê bao điện thoại đăng ký chuyển vùng quốc tế gắn vào điện thoại (điện thoại do A.L1 mua giao cho L6 mang về Việt Nam), đăng ký dịch vụ Internet banking, cài đặt ứng dụng chuyển tiền quốc tế qua dịch vụ Mobie banking rồi giao cho L6, mỗi tháng L6 trả cho các đối tượng mở tài khoản 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng. L6 hưởng lợi 200.000 đồng/tài khoản/tháng thuê được. Sau khi nhận thông tin đăng ký mở tài khoản Ngân hàng của các đối tượng L6 chuyển toàn bộ về Malaysia cho A.L13 quản lý sử dụng nhận và chuyển tiền.

Khoảng tháng 12/2019, Ngô Thị D1 thông báo với L6 là có người khác thuê tài khoản Ngân hàng của D1 với giá 3.000.000 đồng/tài khoản/tháng nên D1 lấy lại toàn bộ tài khoản Ngân hàng đã cho L6 thuê (hành vi mở tài khoản Ngân hàng của L6, D1, T7, V, X đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B xử lý trong một vụ án khác).

Tháng 01/2020, Bùi Thị Thu L6 và Foo K về thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, thông qua đối tượng Lâm Bá Q1 (sinh năm 1989, trú tại: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu) L6 quen biết và thuê Huỳnh Vũ B đến các Ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh mở tài khoản Ngân hàng thanh toán quốc tế với hạn mức cao nhất, L6 trả cho B 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng thì B đồng ý.

Từ tháng 01/2020 đến tháng 4/2020, B mở và giao cho L6 35 tài khoản Ngân hàng, dùng sim điện thoại đăng ký dịch vụ Intenet Banking (trong đó 13 tài khoản Ngân hàng mang tên Phạm Hữu Q2, 10 tài khoản Ngân hàng mang tên Huỳnh Hữu H1, 10 tài khoản Ngân hàng mang tên Huỳnh Phương Đ1, 02 tài khoản Ngân hàng mang tên Trần Từ T8). Tất cả các tài khoản này được thực hiện trên ứng dụng Smartbanking (nhập mã OTP một lần), đăng ký dịch vụ Mobie banking (cài trên điện thoại của A.L1 giao trước đó), L6 đã trả cho B số tiền 28.500.000 đồng. Toàn bộ số tài khoản Ngân hàng này, L6 giao cho A.L1 sử dụng thực hiện giao dịch. Đối với một số tài khoản đăng ký dịch vụ Mobie banking do L6 và F sử dụng tại Việt Nam thì khi A.L1 thực hiện lệnh chuyển tiền tại Malaysia, mã OTP được gửi về số điện thoại Lan quản lý tại Việt Nam, A.L1 sẽ gọi điện, nhắn tin cho L6 hoặc Foo K để lấy mã chuyển tiền.

Tháng 03/2020, do dịch Covid-19 nên L6 và Foo K2 Heng không về Malaysia được nên A.L1 đã lập nhóm W gồm có 04 thành viên là: A.L1 (C), IVy (vợ A.L1), L6 (JC) và F (PF) để trao đổi việc nhận và chuyển tiền. Những lần A.L1 gọi cho L6 nhưng L6 không nghe máy thì Foo Kok H nghe máy và báo lại cho L6 biết các yêu cầu của A.L1 về việc chuyển tiền từ tài khoản này sang tài khoản khác (đều do L6 và F quản lý tại Việt Nam). Đối với các yêu cầu chuyển tiền, A.Long viết bằng tiếng Trung Quốc và tiếng Anh thì L6 không đọc được (vì L6 chỉ nghe, nói được tiếng Anh, tiếng Trung Quốc nhưng không đọc và viết được) nên Foo Kok H là người đọc (Foo Kok H không biết nói và viết chữ Việt Nam) cho L6 thực hiện. L6 và Foo K thực hiện các yêu cầu chyển tiền của A.Long trên 02 (hai) máy tính và 11 (mười một) điện thoại. Ngày 14/5/2020 Bùi Thị Thu L6 bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B bắt về hành vi phạm tội "rửa tiền", thu giữ nhiều đồ vật tài liệu có liên quan (trong đó có thu giữ: 02 (hai) máy tính và 11 (mười một) điện thoại trên).

Mặc dù L6 đã bị bắt nhưng các giao dịch qua tài khoản do L6 gửi sang Malaysia cho A.L1 trước đó vẫn hoạt động để chiếm đoạt của ông Trần Hữu D và bà Đoàn Thị T6 số tiền 10.100.000.000 đồng (vào các ngày 28, 29/5/2020). Số tiền này được chuyển đến tài khoản các Ngân hàng T19, tên chủ tài khoản là Trương Thị Cẩm T7 (đã bị Công an B xử lý trong vụ án khác); tài khoản Techcombank số T19 và tài khoản BIDV bank số C, tên Huỳnh Hữu H1. Từ các tài khoản này, số tiền tiếp tục được chuyển đến các số tài khoản gồm: tài khoản E số 224210301000226 tên Huỳnh Quốc V (đã bị Công an B xử lý trong vụ án khác); tài khoản Eximbank số E, tài khoản ACB số A3, tài khoản T19 số 19035248517017, tài khoản S3 số 060227743363 tên Phạm Hữu Q2. Sau đó, số tiền được chuyển vào tài khoản của Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Trọng M2, Phan Hữu P và các đối tượng bán USDT tại Việt Nam để các đối tượng này bán và chuyển USDT cho đối tượng A.L1 cùng đồng bọn ở nước ngoài.

Từ việc mở tài khoản Ngân hàng, thuê người khác mở các tài khoản Ngân hàng giúp cho A.L1 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người bị hại Việt Nam, Bùi Thị Thu L6 thu lợi bất chính số tiền 180.000.000 đồng (không xác định được số tiền cụ thể cho từng tài khoản Ngân hàng) và sử dụng số tiền này vào việc chi tiêu cho cuộc sống của L6 và Foo K (đến nay, L6 đã giao nộp số tiền thu lợi bất chính là 180.000.000 đồng cho Cơ quan CSĐT Công an tỉnh A).

* Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã thu thập toàn bộ dữ liệu được lưu giữ trong 01 máy tích xách tay, 01 máy tính bảng và 11 điện thoại của Bùi Thị Thu L6; thu thập tài liệu được in ra từ nhóm Wechat của Bùi Thị Thu L6 từ điện thoại OPPO của L6 từ Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B.

2. Về hành vi phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và hành vi phạm tội "Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng" (do Bùi Thị Thu L6, Huỳnh Vũ B và Huỳnh Hữu H1 thực hiện):

Năm 2015, Huỳnh Vũ B quen biết và ở trọ chung phòng với Phạm Hữu Q2 (sinh năm 1984; nơi cư trú: Khóm C, xã C, huyện T, tỉnh An Giang. Hiện nay đã chết) tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Qui làm thợ cắt tóc còn B chạy xe G. Thời gian này, Q2 có mượn của B số tiền 800.000 đồng, Q2 giao chứng minh nhân dân (viết tắt là CMND) mang tên Phạm Hữu Q2 cho B giữ để làm tin. Khoảng tháng 03/2016, B ra ở riêng nhưng do Q2 chưa trả tiền cho B nên B vẫn giữ CMND của Q2. Cuối năm 2019, thông qua người bạn tên Lâm Bá Q1 (sinh năm 1989, trú tại: Ấp B, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu) giới thiệu, Bằng gặp gỡ, thỏa thuận và thống nhất mở tài khoản Ngân hàng, đăng ký dịch vụ Internet banking rồi giao lại cho Bùi Thị Thu L6 (tự xưng tên là T15), L6 sẽ trả số tiền 1.500.000 đồng/tài khoản/tháng. Do không biết L6 làm nghề gì mà cần nhiều tài khoản và sợ bị pháp luật xử lý nên B đã lấy CMND mang tên Phạm Hữu Q2, gỡ bỏ ảnh của Q2 ra, rồi dán ảnh của B thay vào, dùng đồng tiền xu đóng vào mép dưới bên phải để tạo dấu nổi. Bằng mang CMND này đến các Ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh mở tài khoản thanh toán quốc tế với hạn mức cao nhất cho mỗi tài khoản và dùng các sim có số: 0385234365; 0397131807 đăng ký Internet Banking các tài khoản Ngân hàng gồm: T19; H14, E, V3, S4. Sau khi đăng ký xong, B giao lại số điện thoại đăng ký Internet Banking (số điện thoại 0385234365 là của Q1 mua và giao lại cho B) cho Q1 để giao cho L6 sử dụng. Tiếp tục, L6 thuê B mở thêm nhiều tài khoản Ngân hàng thì B đã dùng CMND mang tên Phạm Hữu Q2 (đã thay ảnh) mở thêm 08 tài khoản Ngân hàng (K4, A4, V4, S3, P3, B2, A3, V5) cũng đăng ký số điện thoại 0385234365 để chuyển thông tin về password, thông tin thẻ cho L6 còn các thẻ ATM tên Phạm Hữu Q2 thì B giữ lại.

Ngoài việc thuê B mở tài khoản, L6 đề nghị B tìm người để mở tài khoản bán lại cho L6 số tiền 1.500.000 đồng/tài khoản thì B đồng ý. Khoảng tháng 01/2020, B đề nghị Huỳnh Hữu H1 cùng tham gia mở tài khoản Ngân hàng, B sẽ trả công cho H1 thì H1 đồng ý. Mặc dù không biết B sử dụng những tài

khoản do mình mở để làm gì nhưng vì cần tiền để chi tiêu, H1 đã đồng ý và sử dụng CMND của H1 mở 10 tài khoản Ngân hàng khác nhau gồm: T19, K4, A4, S3, P3, B2, A3, M3, S5, H15 giao cho B để Bằng giao cho L6 sử dụng.

Ngoài ra, cuối năm 2019, trên đường đi làm Huỳnh Vũ B nhặt được 02 CMND mang tên Trần Từ T8 (số CMND: 212371298; nơi cư trú: Đ, M, Quảng Ngãi) và Huỳnh Phương Đ1 (số CMND: 3659922919; nơi cư trú: C, A, C, Sóc Trăng) đem về cất giữ. Sau đó, B cùng với Huỳnh Hữu H1 lấy CMND mang tên Trần Từ T8 gỡ bỏ ảnh trong CMND ra, rồi dùng ảnh của H1 thay vào, dùng đồng tiền xu đóng vào mép dưới bên phải để tạo dấu nổi. Bằng mua sim điện thoại có số thuê bao 0346071233 giao cho H1 cùng với CMND mang tên Trần Từ T8 (đã sửa) và CMND mang tên Huỳnh Phương Đại để H10 đi mở tài khoản Ngân hàng và đăng ký Internet banking. H10 đã dùng CMND mang tên Trần Từ T8 mở 02 tài khoản Ngân hàng gồm: P3, M3 và dùng CMND mang tên Huỳnh Phương Đ1 mở 10 tài khoản Ngân hàng gồm: M3, P3, A4, S5, B2, K4, A3, H15, T19, E. Tất cả các tài khoản này, H10 đều giao lại cho B và được trả tiền công 4.000.000 đồng.

* Tổng cộng, Huỳnh Vũ B và Huỳnh Hữu H1 đã cấu kết mở và giao cho Bùi Thị Thu L6 tổng cộng 35 thông tin tài khoản Ngân hàng (trong đó, Huỳnh Vũ B trực tiếp mở 13 tài khoản Ngân hàng mang tên Phạm Hữu Q2; Huỳnh Hữu H1 dùng CMND của mình mở 10 tài khoản Ngân hàng; Bằng và H1 cấu kết mở 10 tài khoản Ngân hàng mang tên Huỳnh Phương Đ1, 02 tài khoản Ngân hàng mang tên Trần Từ T8). Thực hiện việc này, B được L6 trả số tiền 28.500.000 đồng (thông qua việc L6 chuyển số tiền này vào số tài khoản 3229000014559000 Ngân hàng V6 mang tên Phạm Hữu Q2, sau đó B sử dụng thẻ ATM để rút tiền mặt), B trả công cho H1 số tiền 4.000.000 đồng.

* Kết quả trích sao dữ liệu giao dịch tại Ngân hàng T19, S3 thể hiện vào các ngày 28, 29 tháng 5/2020, các đối tượng đã rút từ tài khoản của ông Trần Hữu D và bà Đoàn Thị T6 số tiền 10.100.000.000 đồng để chuyển vào các tài khoản của Phạm Hữu Q2, Huỳnh Hữu H1 (do Bùi Thị Thu L6, F thuê Huỳnh Vũ B mở giao cho đối tượng A.L1).

* Tại Kết luận giám định số 91/PC09 ngày 21/7/2020 của Phòng K5 Công an tỉnh Q kết luận, xác định: CMND của Phạm Hữu Q2 và Trần Từ T8 bị thay ảnh.

* Kết quả các Ngân hàng cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc mở tài khoản Ngân hàng của Huỳnh Vũ B và Huỳnh Hữu H1:

- Đối với Huỳnh Vũ B có 11 Ngân hàng cung cấp hồ sơ thông tin đăng ký tài khoản mang tên Phạm Hữu Q2, gồm: P3, V7, S4, B2, A5, V4, E, A3, T19, H15, S3;

- Đối với Huỳnh Hữu H1: có 06 Ngân hàng cung cấp hồ sơ thông tin đăng ký tài khoản mang tên Huỳnh Hữu H1, gồm: S6, B2, A3, T19, K4, M3; 03 Ngân hàng cung cấp hồ sơ thông tin đăng ký mở tài khoản mang tên Huỳnh Phương Đ1, gồm: H15, S3, T20 và Ngân hàng P4 cung cấp hồ sơ thông tin đăng ký mở tài khoản mang tên Trần Từ T8.

3. Về hành vi phạm tội "Rửa tiền" (do Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 thực hiện):

Căn cứ vào kết quả xác minh nguồn tiền chiếm đoạt của ông D, bà T6 sau khi đối tượng chuyển đến tài khoản của Phạm Hữu Q2 thì tiếp tục chuyển đến tài khoản của Đỗ Bách T1 và Đặng Bảo T16. Quá trình điều tra Đỗ Bách T1 khai nhận: T1 là sinh viên đang học năm thứ 3 của Đại học Ngoại thương Thành phố H. Đầu năm 2020, T1 có làm ngoài giờ cho Công ty H16 (địa chỉ tại A N, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) do một người có tên Dawns X1 (Quốc tịch: Trung Quốc) làm chủ. Công ty này hoạt động trong lĩnh vực mua bán các loại tiền mã hóa như: USDT, Bitcoin, ETH... (USDT là dạng đồng tiền ảo được mã hóa trên mạng Internet, có giá trị quy đổi tương đương với Đô la Mỹ-USD), nhưng chưa được cấp phép tại Việt Nam. Thông qua giới thiệu của Dawns Xu, T1 biết và tham gia nhóm chat "OTC" trên ứng dụng Telegram gồm có 06 thành viên là: T1, Dawns X1, IVy, JK và 02 người có tên Trung Quốc (T1 không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của những người trong nhóm chat) để trao đổi về việc mua bán USDT.

Vào ngày 28, 29 tháng 5/2020, người có tên IVy trong nhóm chat "OTC" có trao đổi với T1 về việc mua USDT bằng tiền Việt Nam với số lượng lớn và đề nghị T1 báo giá quy đổi từ tiền Việt Nam sang USDT. T1 đã liên hệ với Nguyễn Thành L1 để hỏi giá quy đổi từ tiền Việt Nam sang USDT (do trước đây T1 có quen Nguyễn Thành L1 và biết L1 hoạt động trong lĩnh vực mua bán USDT). Khi được Long cung cấp giá USDT, T1 báo cho IVy giá USDT cao hơn giá Long cung cấp (để hưởng phần chênh lệch giá) thì IVy đồng ý. Sau đó, IVy nhiều lần sử dụng tài khoản tên Phạm Hữu Q2 chuyển tiền Việt Nam cho T1 qua 02 tài khoản là: tài khoản tại Ngân hàng T19 (số tài khoản 19035585947015, chủ tài khoản Đỗ Bách T1) số tiền 5.118.000.000 đồng và tài khoản tại Ngân hàng V7 (số tài khoản 0651000828477, chủ tài khoản Đỗ Bách T1) số tiền 1.000.000.000 đồng, tài khoản Ngân hàng T19 số 19035630511010 của Đặng Bảo T16 số tiền 1.000.000.000 đồng (tài khoản này T1 mượn của Đặng Thị Bảo T16 là bạn học của T1 để nhận tiền của IVy). Tổng cộng IVy đã chuyển nhiều lần với số tiền 7.118.000.000 đồng, đồng thời IVy chuyển cho T1 địa chỉ (ví điện tử) chứa USDT để T1 chuyển USDT cho IVy. Sau khi trừ đi phần chênh lệch giá T1 được hưởng thì T1 chuyển số tiền IVy chuyển cho T1 đến các tài khoản Ngân hàng T19 (số A), tài khoản Ngân hàng A3 (số tài khoản: 379968888) của Nguyễn Thành L1 và tài khoản Ngân hàng T19 của Nguyễn Thế A (T1 không nhớ số tài khoản) với tổng số tiền: 7.073.749.172 đồng để mua USDT đồng thời T1 gửi cho L1 địa chỉ ví đựng USDT mà IVy cung cấp để L1 chuyển USDT vào ví này cho IVy. Thực hiện việc này, T1 được hưởng lợi từ 100 đến 150 đồng Việt N USDT và thực tế số tiền T1 hưởng lợi từ việc thực hiện mua USDT cho đối tượng có tên IVy là 44.250.828 đồng (hiện số tiền này vẫn còn trong tài khoản Ngân hàng T19 của T1 đang bị Cơ quan CSĐT phong tỏa).

Khi T1 thực hiện việc mua bán USDT với IVy thì IVy sử dụng tài khoản của người Việt Nam để chuyển số tiền mua USDT có trị giá lớn và sau khi thực hiện xong giao dịch với T1 thì IVy xóa tài khoản và thoát khỏi nhóm chat "OTC" trong Telegram. Do đó, T1 có nghi ngờ nguồn tiền mà IVy mua USDT có thể do hoạt động phạm tội mà có (nhưng không biết rõ hành vi phạm tội gì)

nhưng vì Dawns X1 (ông chủ của T1) yêu cầu giúp IVy mua USDT; hơn nữa khi thực hiện thành công giao dịch USDT thì T1 được hưởng lợi số tiền lớn nên T1 vẫn đồng ý thực hiện.

* Kết quả trích xuất dữ liệu từ điện thoại của Đỗ Bách T1 (bằng phương pháp chụp ảnh màn hình điện thoại) có thể hiện những nội dung liên quan đến việc trao đổi giữa T1 với những người trong nhóm W (D, IVy, JK và 02 người có tên Trung Quốc) và những nội dung liên quan đến trao đổi, giao dịch giữa T1 và Nguyễn Thành L1 vào ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2020.

* Nguyễn Thành L1 khai nhận: Thành Long làm công việc mua bán tiền mã hóa (Bitcoin, ETH, USDT) từ tháng 3 năm 2020 thông qua các trang mạng xã hội như Zalo, Facebook, T17. Khi khách hàng có nhu cầu mua tiền mã hóa, L1 sẽ thỏa thuận chốt tỷ giá quy đổi từ tiền Việt Nam sang đồng tiền mã hóa, nếu khách hàng đồng ý sẽ chuyển khoản tiền Việt Nam cho L1 qua các tài khoản Ngân hàng T19 (số A), tài khoản Ngân hàng A3 (số tài khoản: 379968888) và tài khoản Ngân hàng V7 (số tài khoản 0531002486208). Sau đó, L1 truy cập vào nhóm T17 "Chợ B3" "Chợ B4" tìm nguồn bán đồng tiền mã hóa thấp hơn giá đã thỏa thuận với khách hàng trước đó để mua rồi chuyển lại cho khách hàng, L1 sẽ hưởng tiền chênh lệch trong quá trình thực hiện giao dịch.

Giữa L1 và Đỗ Bách T1 quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook, sau đó có gặp nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vào các ngày 28, 29 tháng 5 năm 2020, T1 có liên hệ với L1 để mua USDT. Sau khi trao đổi thống nhất giá mua USDT, T1 đã chuyển cho L1 số tiền 7.037.749.172 đồng (cụ thể: tài khoản Ngân hàng T19 (số A): 3.496.343.968 đồng; tài khoản Ngân hàng A3 (số tài khoản: 379968888): 2.584.112.136 đồng; qua tài khoản Ngân hàng T19 (số A) của Nguyễn Thế A: 993.293.068 đồng) để mua USDT, đồng thời T1 chuyển địa chỉ ví nhận USDT (gọi là "ID" là dãy các số chữ cái và ký tự) cho L1 để L1 chuyển USDT vào địa chỉ này. Sau khi thực hiện thành công giao dịch mua bán USDT với T1 thì L1 được hưởng lợi 13.462.417 đồng (hiện số tiền này vẫn còn trong tài khoản Ngân hàng T19 đang bị Cơ quan CSĐT phong tỏa).

Khi Đỗ Bách T1 sử dụng số tiền Việt Nam rất lớn để mua đồng tiền mã hóa USDT thì L1 có nghi ngờ vì T1 đang là sinh viên thì không thể có số tiền lớn như vậy. L1 có hỏi về nguồn gốc số tiền thì T1 trả lời đây là tiền của sếp T1 (người Trung Quốc) nhờ mua USDT. L1 yêu cầu T1 kiểm tra nguồn gốc số tiền nhưng T1 không trả lời. L1 có nghi ngờ nguồn gốc số tiền T1 mua USDT có thể do hoạt động phạm tội của người Trung Quốc mà có (còn phạm tội cụ thể như thế nào thì L1 không rõ) bởi vì một người bình thường có nhu cầu mua USDT thì sẽ đồng ý mua cao hơn giá thị trường từ 10 đồng đến 20 đồng đối với 01 USDT nhưng sếp của T1 nhờ T1 mua USDT cao hơn so với giá thị trường từ 100 đồng đến 200 đồng đối với 01 USDT. Mặc dù, L1 có nghi ngờ nguồn gốc số tiền có thể do hoạt động phạm tội nhưng L1 thực hiện để hưởng lợi số tiền lớn và muốn tạo uy tín cho bản thân trong hoạt động mua bán tiền ảo, cũng như nghĩ rằng việc thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến giao dịch tiền ảo rất khó khăn.

Kết quả điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ, kết quả trích xuất dữ liệu từ điện thoại di động của Nguyễn Thành L1, Đỗ Bách T1 (bằng phương pháp chụp

ảnh màn hình điện thoại có thể hiện những nội dung liên quan đến việc trao đổi, giao dịch giữa L1 và T1 vào các ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2020); kết quả sao kê giao dịch Ngân hàng và lời khai của L1 và T1, xác định: khi thực hiện giao dịch mua bán USDT với số tiền Việt Nam 7.118.000.000 đồng cho đối tượng IVy thì cả hai đều biết được nguồn tiền mua USDT là do phạm tội mà có (dù không biết cụ thể hành vi phạm tội nào) nhưng L1 và T1 đều hiểu là do hoạt động lừa đảo mà có thể hiện qua nội dung trao đổi giữa T1 và L1 qua ứng dụng Messenger vào các ngày 28, 29/5/2020 thì L1 và T1 sử dụng cụm từ "mọe cái thằng scam làm cực vãi" từ "scam" có nghĩa là "lừa đảo" và nghi ngờ số tiền T1 chuyển cho L1 là tiền bất hợp pháp nên đã nhắn tin cho T1 bảo T1 "em check (có nghĩa là kiểm tra) kỹ chứ rửa tiền là toang anh em mình nhé". L1, T1 nhận thức được hành vi hợp pháp hóa nguồn tiền do hoạt động phạm tội mà có là vi phạm pháp luật về tội "Rửa tiền" nhưng vì mục đích hưởng lợi từ giao dịch này quá lớn nên Nguyễn Thành L1 và Đỗ Bách T1 vẫn thực hiện.

Trong giai đoạn điều tra ban đầu, Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Nhưng sau đó và tại các phiên tòa, Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1 thay đổi lời khai, cho rằng: không biết số tiền dùng để mua USDT là tiền do hoạt động phạm tội mà có, lời khai nhận tại cơ quan điều tra là do bị ép cung, mớm cung. Xét thấy việc Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 thay đổi lời khai là do ý chí chủ quan của T1 và L1. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu trích xuất nội dung liên quan đến việc trao đổi, nhắn tin mua đồng USDT giữa T1 và I, giữa L1 và Đỗ Bách T1, lời khai nhận ban đầu của L1 hoàn phù hợp với tài liệu chứng cứ thể hiện rõ T1 và L1 nhận thức được số tiền dùng để mua USDT là do vi phạm pháp luật mà có nhưng vẫn cố ý thực hiện.

* Ngoài ra, Đỗ Bách T1 còn khai nhận: tháng 6/2020 một đối tượng người Trung Quốc trong nhóm chát OTC liên hệ trao đổi yêu cầu Đỗ Bách T1 mua USDT, T1 liên hệ với Nguyễn Thành L1 để hỏi giá bán USDT nhưng L1 thông báo giá bán USDT cao nên đối tượng người Trung Quốc không mua. T1 tiếp tục lên mạng xã hội Facebook tìm hiểu và trao đổi đối tượng Trương Ngọc V1 (có số thuê bao điện thoại 0939126839) là người mua bán USDT có giá bán USDT thấp hơn so với Nguyễn Thành L1 thì đối tượng người Trung Quốc đồng ý mua. Sau đó, đối tượng người Trung Quốc sử dụng tài khoản Ngân hàng của Hồ Hoàng S2 và tài khoản Ngân hàng của người khác (không nhớ tên, số tài khoản, Ngân hàng nào) nhiều lần chuyển đến 02 tài khoản Ngân hàng của T1 gồm: T19, STK: 19035585947015 và V7, STK với số tiền 7.439.000.000 đồng kèm địa chỉ ví nhận USDT. Sau khi trừ đi phần chênh lệch tỷ giá, T1 chuyển đến tài khoản Ngân hàng MSB và A3 của V1 số tiền 7.400.152.000 đồng kèm địa chỉ ví nhận USDT để V1 chuyển USDT cho đối tượng người Trung Quốc, còn T1 hưởng lợi số tiền 38.847.990 đồng (hiện số tiền này vẫn còn trong tài khoản Ngân hàng T19 đang bị Cơ quan CSĐT phong tỏa).

* Đối với Nguyễn Thành L1, ngoài việc trao đổi mua bán đồng tiền mã hóa USDT với Đỗ Bách T1, L1 còn khai nhận: khoảng tháng 5/2020 một người tên K3 (trên Facebook) nhắn tin cho L1 rằng: có một người khác nước ngoài muốn rửa tiền bằng hình thức mua USDT thì L1 đồng ý. Sau đó, L1 liên lạc một

người tên P2 là amin trên "chợ mua bán bitcoin Hà Nội" để nhờ P2 kết nối trao đổi với K3 về việc chuyển tiền liên quan đến hoạt động rửa tiền giúp cho K3 thì P2 đồng ý. Sau đó, L1 tạo một nhóm trên T (gồm L1, K3 và P2) để P2, K3 trao đổi về việc chuyển tiền (rửa tiền). P2 thông báo với L1 là L1 sẽ nhận được một khoản tiền lời từ giao dịch rửa tiền từ K3 và P2, nhưng L1 chưa nhận được số tiền này.

Trên cơ sở lời khai của Nguyễn Thành L1, Cơ quan điều tra xác định được các đối tượng đã bán đồng tiền mã hóa USDT cho Nguyễn Thành L1 vào các ngày 28 và 29/5/2020, gồm:

(1) Nguyễn Thế A (có lai lịch như trên): vào ngày 28/5/2020 có bán cho Nguyễn Thành L1 2.747,95 USDT với giá 23.480 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19, số tài khoản 19033058547014 của Nguyễn Thế A số tiền 64.522.000 đồng. Ngoài ra, cũng trong ngày 28/5/2020, Nguyễn Thế A có cho Nguyễn Thành L1 mượn tài khoản T19 số tài khoản 19033058547014 để nhận số tiền 993.293.068 đồng và chuyển số tiền nói trên đến 2 tài khoản T19 số tài khoản 190033363980011 của Hồ Văn T9 số tiền 495.356.646 đồng và tài khoản T19 số tài khoản 19035836117017 của Lê Thị P1 số tiền 495.567.706 đồng (theo yêu cầu của Nguyễn Thành L1). Nguyễn Thế A không biết số tiền L1 nhờ chuyển là tiền gì và cũng không có hưởng lợi gì từ việc này.

(2) Lê Thị L3 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020 có bán cho Nguyễn Thành L1 2.500 USDT với giá 23.430 đồng/USDT, L1 chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản 19025707917028 của Lê Thị L3 số tiền 58.575.000 đồng. Sau khi nhận tiền, L3 đã chuyển cho L1 5.000 USDT.

(3) Cao Thị Mai P2 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020 có bán cho Nguyễn Thành L1 10.500 USDT với giá 23.440 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản 19033205503011 của Cao Thị Mai P2 số tiền 246.120.000 đồng. Sau khi nhận tiền, P2 đã chuyển cho L1 10.500 USDT.

(4) Lê Sĩ H11 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020 có bán cho Nguyễn Thành L1 16.700 USDT với giá 23.490 đồng/USDT, L1 chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản 19034285418881 của Lê Sĩ H12 số tiền 392.283.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H11 đã chuyển cho L1 10.500 USDT.

(5) Cáp Thùy D2 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020 có bán cho Nguyễn Thành L1 10.000 USDT với giá 24.370 đồng/USDT, L1 chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19, số tài khoản 19033951029013 của Đào Thị K1 (Đào Thị K1 là mẹ ruột của Cáp T, bà K1 cho Cáp Thùy D2 mượn tài khoản để sử dụng) số tiền 243.700.000 đồng. Sau khi nhận tiền, D2 đã chuyển cho L1 10.000 USDT.

(6) Nguyễn Thị Bảo N2 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020 có bán cho Nguyễn Thành L1 16.057,43 USDT với giá 23.453 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19, số tài khoản 19032244777015 của Nguyễn Thị Bảo N2 số tiền 376.597.000 đồng. Sau khi nhận tiền, N2 đã chuyển cho L1 16.057,43 USDT.

(7) Trương Hoàng H6 (có lai lịch như trên): vào ngày 29/5/2020, có bán cho Nguyễn Thành L1 5.000 USDT với giá 23.340 đồng/USDT; Nguyễn Thành L1 chuyển số tiền 116.700.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản

19030783575555 của H6. Sau khi nhận tiền, H6 đã chuyển cho L1 5.000 USDT. Ngày 30/5/2020, H6 tiếp tục bán cho L1 2.750 USDT với giá 23.320 đồng/01 USDT và sử dụng số tài khoản trên để giao dịch tiền với L1.

(8) Nguyễn Thị Thu L4 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020, có bán cho Nguyễn Thành L1 1.600 USDT với giá 23.480 đồng/USDT; Nguyễn Thành L1 chuyển số tiền 37.568.000đ vào tài khoản Ngân hàng T19 số 19030416311029 của L4. Sau khi nhận tiền, L4 đã chuyển cho L1 5.000 USDT.

(9) Nguyễn Thị C1 (có lai lịch như trên) cùng chồng là Nguyễn Văn L5 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020, có bán cho Nguyễn Thành L1 18.400 USDT với giá 23.480 đồng/USDT. L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số 19034660450036 của C1 số tiền là 432.032.000đ. Sau khi nhận tiền, L5 đã chuyển cho L1 18.400 USDT.

(10) Hoàng Hải V2 (có lai lịch như trên): ngày 29/5/2020, có bán cho Nguyễn Thành L1 61.892,8 USDT (lần 1 là 11.000 USDT với giá 23.430 đồng/USDT; lần 02 là 50.892,8 USDT với giá 23.435 đồng/USDT). L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số: 19021901726025 của chị V2 số tiền 1.152.234.888 đồng. Sau khi nhận tiền, chị V2 đã chuyển cho L1 số tiền 61.892,8 USDT.

(11) Phan Nguyễn Tấn H7 (có lai lịch như trên): vào ngày 28/5/2020, có bán cho Nguyễn Thành L1 10.557,43 USDT với giá 23.480 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số 19031706475511 của H7 số tiền 247.888.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H7 đã chuyển cho L1 10.557,43 USDT.

(12) Trần Huy H8 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020, có bán cho Nguyễn Thành L1 6.000 USDT với giá 23.490 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số 19132721100019 của H8 số tiền 140.940.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H8 đã chuyển cho L1 số USDT trên.

(13) Nguyễn Thị H9 (có lai lịch như trên) không thừa nhận có giao dịch mua bán tiền mã hóa USDT với Nguyễn Thành L1 và cho rằng số tiền 495.587.000 đồng chuyển vào tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản: 19034326218017 tên chủ tài khoản Nguyễn Thị H9 là số tiền Trương Trọng T12 có lai lịch như trên) trả nợ cho Nguyễn Thị Bích Đ2 (con gái chị H9). Lý do vì sao L1 chuyển tiền trả nợ thay cho T12 thì chị H9 không biết.

(14) Nguyễn Trọng M2 (có lai lịch như trên): vào ngày 28/5/2020 tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản 19035248517017 chủ tài khoản Phạm Hữu Q2 (do Bùi Thị Thu L6 giao cho A.L1 sử dụng), có chuyển nhiều lần đến tài khoản 19025112050012 Ngân hàng T19 của Nguyễn Trọng M2 số tiền 2.000.000.000 đồng để mua USDT, nhưng M2 không nhớ đã bán bao nhiêu USDT cho người mua, không biết người mua sử dụng nguồn tiền nào để mua USDT.

(15) Trần Mạnh Đ3 (sinh năm: 1995; HKTT: xã Đ, huyện G, Thành phố Hà Nội; CMND số: 022095004316). Quá trình xác minh tại xã Đ không có người nào tên Trần Mạnh Đ3 (có lai lịch nêu trên) đăng ký hộ khẩu hay cư trú tại địa chỉ trên. Tra cứu tàng thư CCCD xác định không có tài liệu trong tàng thư căn cước công dân và hệ thống cơ sở dữ liệu CCCD Công an thành phố H.

(16) Tạ Thị Thu T10 (sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp C, xã H, Vĩnh Long), qua xác minh xác định Tạ Thị Thu T10 (có lai lịch nêu trên) có đăng ký HKTT tại địa chỉ trên, tuy nhiên, hiện nay T10 không có mặt tại địa phương, không rõ T10 đi đâu làm gì (BL: 2.693).

(17) Trần Thị Mỹ N3 (có lai lịch như trên): ngày 28/5/2020, có 02 lần bán cho Nguyễn Thành L1 11.000 USDT, cụ thể: lần 1 Nhạn bán 10.000 USDT với giá 23.490 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng A3 số 11074997 của Nhạn số tiền 234.490.000 đồng. Sau khi nhận tiền N3 đã chuyển cho L1 10.000 USDT; lần 2: Nhạn bán 1.000 USDT với giá 23.480 đồng/USDT, L1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng T21 số 19132783578012 của Nhạn số tiền 223.480.000 đồng. Sau khi nhận tiền, N3 đã chuyển cho L1 1.000 USDT.

(18) Trương Trọng T12 (có lai lịch nêu trên): Vào khoảng tháng 4/2020, T12 đang đi xuất khẩu lao động bên Nhật Bản, có tham gia trên nhóm T17 tên Chợ B3 chuyên giao dịch tiền ảo Bitcoin, có đăng bán đồng USDT thì có một nick Telegram tên Nguyễn Thành L1 có nhắn tin hỏi về giá đồng USDT thì hai bên thống nhất giá 23.490 đồng/USDT. Tấn bán tiền USDT với Nguyễn Thành L1 tổng cộng 06 lần, cụ thể gồm:

Bốn lần giao dịch đầu tiên, T12 sử dụng tài khoản Ngân hàng 19034126589010 Ngân hàng T19 để giao dịch với L1 với tổng số tiền là 1.012.321.000 đồng, tổng số tiền USDT khoảng là 43.095 USDT. Hiện tại T12 không còn lưu giữ lịch sử giao dịch theo từng lần khác nhau, theo từng lần giao dịch thì L1 có gửi cho T12 địa chỉ ví điện tử để T12 chuyển tiền USDT vào trong địa chỉ ví này. Sau đó, thì L1 nói có nhu cầu mua thêm 37.80595 USDT nữa, nên T12 đã vay tiền của Lê Sỹ H5 với số tiền 400.000.000 đồng và vay Nguyễn Thị D3 số tiền 500.000.000 đông để mua tiền USDT trên Chợ B3 trên app Telegram. Khi T12 mua đủ số tiền USDT thì T12 liên hệ với L1 qua T17 để bán số tiền USDT cho L1 theo yêu cầu.

Lần thứ 5, T12 giao dịch mua bán với L1 bán số tiền 16.700 USDT với giá 23.490 đồng/USDT với tổng số tiền giao dịch là 392.283.000 đồng, khi đó T12 có mượn tài khoản Ngân hàng của Lê Sỹ H5 số tài khoản 19034285418881, Ngân hàng T19 mang tên Lê Sỹ H5 để L1 chuyển tiền việt nam đồng cho T12, xem như T12 trả tiền nợ cho H5.

Lần thứ 6, T12 giao dịch mua bán USDT với L1 số tiền 21.105,95 USDT, với giá 23.480 đồng/1USDT với tổng số tiền giao dịch là 495.567.706 đồng, khi đó T12 có mượn tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Thị D3 để T12 trả tiền nợ, thì D3 gửi số tài khoản Ngân hàng của mẹ D3 cho T12 với số tài khoản 19035836117017, ngân hàng T19 mang tên Lê Thị P1 để L1 chuyển tiền việt nam đồng cho T12, xem như T12 trả tiền nợ cho D3.

(19) Nhiều tài khoản khác chưa xác định lai lịch cụ thể (Trần Phước L7, Nguyễn Tự Q3, Nguyễn Quốc T13, Hồ Văn T9, Đinh Thái A2,... theo B1 thống kê nhận và chuyển tiền mua bán USDT tại BL: 777 - 779).

(Cơ quan điều tra tiến hành trích xuất dữ liệu từ điện thoại của Nguyễn Thành L1 bằng phương pháp chụp ảnh màn hình điện thoại có thể hiện những nội dung liên quan đến việc trao đổi, giao dịch giữa L1, T1 vào ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2020).

* Về vật chứng của vụ án: Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q đã tạm giữ các vật chứng sau:

- Tạm giữ của Đỗ Bách T1:

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh, IMEI: 358335081058214;

+ 01 điện thoại di động hiệu hiệu Samsung, màu vàng (không kiểm tra bên trong);

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng A6, tên Đỗ Bách T1, số thẻ: 9704050769127213;

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng A4, tên Đỗ Bách T1, số thẻ: 9704270400799895;

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng V7, tên Đỗ Bách T1, số thẻ: 970436681298019015;

+ 01 thẻ Napas Ngân hàng A3, tên Đỗ Bách T1, số thẻ: 9704162465322848, số tài khoản 12835357;

+ 01 thẻ Napas Ngân hàng T21, tên Đỗ Bách T1, số thẻ: 9704079983787759;

+ 01 thẻ Napas Ngân hàng T20, tên Đỗ Bách T1, số thẻ: 9704231392013760.

- Tạm giữ của Nguyễn Thành L1:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu đen;

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng T19, tên Nguyễn Thành L1, số thẻ: 9704079987656828, số tài khoản: 19034707011011;

+ 01 thẻ ATM Ngân hàng A3, tên Nguyễn Thành L1;

* Thu giữ hồ sơ gốc mở tài khoản Ngân hàng của Phạm Hữu Q2 tại các Ngân hàng: A3, S3, E, B2, V4, H15, A4, S4, V7, P3.

* Thu giữ hồ sơ gốc mở tài khoản Ngân hàng của Huỳnh Phương Đ1 tại các Ngân hàng: S3, H15.

* Thu giữ hồ sơ gốc mở tài khoản Ngân hàng của Trần Từ T8 tại Ngân hàng P3.

- Ra lệnh phong tỏa tài khoản:

* Phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng T19 số tiền 108.091.578 đồng; tại Ngân hàng A3 số tiền 555.773 đồng của Nguyễn Thành L1;

* Phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng T19 số tiền 107.293.174 đồng của Đỗ Bách T1;

* Phong tỏa số tiền 2.368.541.681 đồng của 20 cá nhân tham gia mua bán USDT với Nguyễn Thành L1 (có danh sách kèm theo);

* Phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng T19, S3, E, B2, A3 đối với chủ tài khoản Trương Thị Cẩm T7, Phạm Hữu Q2, Huỳnh Hữu H1, Huỳnh Quốc V, Phạm Thị Kim X2;

* Phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng T19, A3 đối với chủ tài khoản Lê Sĩ H11, Trương Trọng T12, Trương Ngọc V1, Trần Thị Mỹ N6, Trần Hoàng N7 và 29 đối tượng mua bán USDT.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 29/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự:

* Đối với bị cáo Foo Kok H:

- Căn cứ vào điểm a khoản 4, khoản 5 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Foo Kok H 10 (M1) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 20/7/2020. Phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mười triệu) đồng.

* Đối với bị cáo Huỳnh Hữu H1:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H1 02 (Hai) năm tù, về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 20/7/2020 đến ngày 16/12/2020).

* Đối với bị cáo Đỗ Bách T1 và bị cáo Nguyễn Thành L1:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 324; khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Bách T1 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ trước đó (từ ngày 20/7/2020 đến ngày 23/7/2020). Phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L1 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ trước đó (từ ngày 20/7/2020 đến ngày 23/7/2020). Phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc ông Nguyễn Trọng M2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền 2.000.000.000 (Hai tỉ) đồng, trong đó: hoàn trả cho ông Trần Hữu D số tiền: 1.580.000.000 (Một tỉ năm trăm tám mươi triệu) đồng, hoàn trả cho bà Đoàn Thị T6 số tiền 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng.

- Buộc ông Phan Hữu P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng, trong đó: hoàn trả cho ông Trần Hữu D số tiền: 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng, hoàn trả cho bà Đoàn Thị T6 số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Bùi Thị Thu L6 bồi thường cho các bị hại là: 2.485.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 1.963.150.000 (Một tỉ chín trăm sáu mươi ba triệu một trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn

Thị T6 521.850.000 (Năm trăm hai mươi mốt triệu tám trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Foo Kok H bồi thường cho các bị hại là: 1.775.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 1.402.250.000 (Một tỉ bốn trăm lẻ hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 372.750.000 (Ba trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng. Bị cáo Foo Kok H đã nộp tiền bồi thường cho các bị hại là 50.000.000 đồng (theo biên lai thu tiền số 0007133, ngày 21/6/2023 của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Nam).

- Buộc bị cáo Đỗ Bách T1 bồi thường cho các bị hại là: 1.065.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 841.350.000 (T18 trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 223.650.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành L1 bồi thường cho các bị hại là: 1.065.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 841.350.000 (T18 trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 223.650.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Huỳnh Vũ B bồi thường cho các bị hại là: 426.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 336.540.000 (Ba trăm ba mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 89.460.000 (T18 mươi chín trệu bốn trăm sáu mươi ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Huỳnh Hữu H1 bồi thường cho các bị hại là: 284.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 224.360.000 (Hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 59.640.000 (Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đối với số tiền các bị cáo thu lợi bất chính: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo: bị cáo Đỗ Bách T1 số tiền 44.250.828 (Bốn mươi bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn tám trăm hai mươi tám) đồng; bị cáo Nguyễn Thành L1 số tiền 13.462.417 (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm mười bảy) đồng; bị cáo Huỳnh Vũ B số tiền 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn); bị cáo Huỳnh Hữu H1 số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng.

4. Về lệnh phong tỏa tài khoản: Đối với các lệnh phong toả tài khoản ngân hàng do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q ra lệnh để phục vụ cho công tác điều tra được xử lý như sau:

+ Tiếp tục phong tỏa tài khoản Ngân hàng của các bị cáo để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

+ Đối với các lệnh phong tỏa tài khoản Ngân hàng của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người khác giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q xử lý theo quy định pháp luật.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Bùi Thị Thu L6, Foo K, Huỳnh Vũ B, Huỳnh Hữu H1, Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị cáo Foo Kok H phải chịu là 62.250.000 (Sáu mươi hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bị cáo Đỗ Bách T1 phải chịu là 43.950.000 (Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Thành L1 phải chịu là 43.950.000 (Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bị cáo Huỳnh Hữu H1 phải chịu là 14.200.000 (Mười bốn triệu hai trăm ngàn) đồng.

+ Ông Nguyễn Trọng M2 phải chịu là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

+ Ông Phan Hữu P phải chịu là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2024 bị cáo Đỗ Bách T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan.

Ngày 26/9/2024 bị cáo Nguyễn Thành L1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo cho rằng bị cáo bị oan.

Ngày 23/9/2024 bị cáo Huỳnh Hữu H1 kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo và không buộc bồi thường.

Ngày 30/9/2024 bị cáo Foo Kok H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 18/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu P kháng cáo phần trách nhiệm dân sự và án phí

Ngày 22/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trọng M2 kháng cáo phần trách nhiệm dân sự.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Foo Kok H tự nguyện rút đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thành L1 giữ nguyên kháng cáo về tội danh và trách nhiệm dân sự. Người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo không biết nguồn tiền do phạm tội mà có, bị cáo là nhân viên Công ty nên làm theo chỉ đạo của Chủ doanh nghiệp, thực hiện mua USDT theo nhiệm vụ được giao để hưởng tiền lương, đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Đỗ Bách T1 giữ nguyên kháng cáo về tội danh và trách nhiệm dân sự, Người bào chữa của bị cáo cho rằng bị cáo không biết nguồn tiền do phạm tội mà có, bị cáo là nhân viên Công ty nên làm theo chỉ đạo của Chủ doanh nghiệp, thực hiện mua USDT theo nhiệm vụ được giao để hưởng tiền lương, đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra lại.

Bị cáo Huỳnh Hữu H1 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và không buộc bị cáo phải bồi thường dân sự.

Ông Phan Hữu P và ông Nguyễn Trọng M2 giữ nguyên kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung vụ án thì Bản án sơ thẩm đã xác định rõ diễn biến của vụ án, xác định được hành vi phạm tội của từng bị cáo tương ứng với từng tội; đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, do các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên tội danh và hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Foo Kok H tự nguyện rút đơn kháng cáo thì đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm. Đối với kháng cáo của ông Phan Hữu P và ông Nguyễn Trọng M2 thì xác định được các bị cáo đã chuyển khoản số tiền chiếm đoạt vào tài khoản của từng người, đây là vật chứng của vụ án nên cần truy thu trả lại cho bị hại; ông P và ông M2 không biết nên không chịu trách nhiệm hình sự liên đới, do đó cũng không chấp nhận kháng cáo của người liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1, Huỳnh Hữu H1, Foo K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu Phát Nguyễn Trọng M2, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm, các Cơ quan tiến hành tố tụng sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; đảm bảo quyền và nghĩa vụ cho người tham gia tố tụng.

Kháng cáo của bị cáo Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1, Huỳnh Hữu H1, Foo K, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Hữu P, Nguyễn Trọng M2 là hợp lệ và trong thời hạn luật định.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Foo Kok H tự nguyện rút đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm, Bản án hình sự sơ thẩm có hiệu lực đối với bị cáo Foo Kok H.

[2] Xem xét kháng cáo của bị cáo Đỗ Bách T1; Nguyễn Thành L1:

Các bị cáo Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1 trong giai đoạn điều tra ban đầu khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng sau đó thay đổi lời khai theo hướng không nhận tội. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 cho rằng các bị cáo bị Điều tra viên Kiểm sát viên ép cung,

mớm cung, nhục hình trong giai đoạn điều tra, nhưng không có chứng cứ để chứng minh.

Về hành vi phạm tội: theo kết quả điều tra và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Đối tượng tên IVy nhiều lần sử dụng tài khoản tên Phạm Hữu Q2 chuyển tiền Việt Nam cho T1 qua 02 tài khoản là: tài khoản tại Ngân hàng T19 (số tài khoản 19035585947015, chủ tài khoản Đỗ Bách T1) số tiền 5.118.000.000 đồng và tài khoản tại Ngân hàng V7 (số tài khoản 0651000828477, chủ tài khoản Đỗ Bách T1) số tiền 1.000.000.000 đồng, tài khoản Ngân hàng T19 số 19035630511010 của Đặng Bảo T16 số tiền 1.000.000.000 đồng (tài khoản này T1 mượn của Đặng Thị Bảo T16 là bạn học của T1 để nhận tiền của IVy). Tổng cộng IVy đã chuyển nhiều lần với số tiền 7.118.000.000 đồng, đồng thời IVy chuyển cho T1 địa chỉ (ví điện tử) chứa USDT để T1 chuyển USDT cho IVy. Sau khi trừ đi phần chênh lệch giá T1 được hưởng thì T1 chuyển số tiền IVy chuyển cho T1 đến các tài khoản Ngân hàng T19 (số A), tài khoản Ngân hàng A3 (số tài khoản: 379968888) của Nguyễn Thành L1 và tài khoản Ngân hàng T19 của Nguyễn Thế A (T1 không nhớ số tài khoản) với tổng số tiền: 7.073.749.172 đồng để mua USDT đồng thời T1 gửi cho L1 địa chỉ ví đựng USDT mà IVy cung cấp để L1 chuyển USDT vào ví này cho IVy. Thực hiện việc này, T1 được hưởng lợi từ 100 đến 150 đồng Việt N USDT và thực tế số tiền T1 hưởng lợi từ việc thực hiện mua USDT cho đối tượng có tên IVy là 44.250.828 đồng (hiện số tiền này vẫn còn trong tài khoản Ngân hàng T19 của T1 đang bị Cơ quan CSĐT phong tỏa).

Khi T1 thực hiện việc mua bán USDT với IVy thì IVy sử dụng tài khoản của người Việt Nam để chuyển số tiền mua USDT có trị giá lớn và sau khi thực hiện xong giao dịch với T1 thì IVy xóa tài khoản và thoát khỏi nhóm chat "OTC" trong Telegram. Do đó, T1 có nghi ngờ nguồn tiền mà IVy mua USDT có thể do hoạt động phạm tội mà có (nhưng không biết rõ hành vi phạm tội gì) nhưng vì Dawns X1 (ông chủ của T1) yêu cầu giúp IVy mua USDT; hơn nữa khi thực hiện thành công giao dịch USDT thì T1 được hưởng lợi số tiền lớn nên T1 vẫn đồng ý thực hiện.

* Kết quả trích xuất dữ liệu từ điện thoại của Đỗ Bách T1 (bằng phương pháp chụp ảnh màn hình điện thoại) có thể hiện những nội dung liên quan đến việc trao đổi giữa T1 với những người trong nhóm W (D, IVy, JK và 02 người có tên Trung Quốc) và những nội dung liên quan đến trao đổi, giao dịch giữa T1 và Nguyễn Thành L1 vào ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2020.

Vào các ngày 28, 29 tháng 5 năm 2020, T1 có liên hệ với L1 để mua USDT. Sau khi trao đổi thống nhất giá mua USDT, T1 đã chuyển cho L1 số tiền 7.037.749.172 đồng (cụ thể: tài khoản Ngân hàng T19 (số A): 3.496.343.968 đồng; tài khoản Ngân hàng A3 (số tài khoản: 379968888): 2.584.112.136 đồng; qua tài khoản Ngân hàng T19 (số A) của Nguyễn Thế A: 993.293.068 đồng) để mua USDT, đồng thời T1 chuyển địa chỉ ví nhận USDT (gọi là "ID" là dãy các số chữ cái và ký tự) cho L1 để L1 chuyển USDT vào địa chỉ này. Sau khi thực hiện thành công giao dịch mua bán USDT với T1 thì L1 được hưởng lợi 13.462.417 đồng (hiện số tiền này vẫn còn trong tài khoản Ngân hàng T19 đang bị Cơ quan CSĐT phong tỏa).

Khi Đỗ Bách T1 sử dụng số tiền Việt Nam rất lớn để mua đồng tiền mã hóa USDT thì L1 có nghi ngờ vì T1 đang là sinh viên thì không thể có số tiền lớn như vậy. L1 có hỏi về nguồn gốc số tiền thì T1 trả lời đây là tiền của sếp T1 (người Trung Quốc) nhờ mua USDT. L1 yêu cầu T1 kiểm tra nguồn gốc số tiền nhưng T1 không trả lời. L1 có nghi ngờ nguồn gốc số tiền T1 mua USDT có thể do hoạt động phạm tội của người Trung Quốc mà có (còn phạm tội cụ thể như thế nào thì L1 không rõ) bởi vì một người bình thường có nhu cầu mua USDT thì sẽ đồng ý mua cao hơn giá thị trường từ 10 đồng đến 20 đồng đối với 01 USDT nhưng sếp của T1 nhờ T1 mua USDT cao hơn so với giá thị trường từ 100 đồng đến 200 đồng đối với 01 USDT. Mặc dù, L1 có nghi ngờ nguồn gốc số tiền có thể do hoạt động phạm tội nhưng L1 thực hiện để hưởng lợi số tiền lớn và muốn tạo uy tín cho bản thân trong hoạt động mua bán tiền ảo cũng như nghĩ rằng việc thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến giao dịch tiền ảo rất khó khăn.

Kết quả điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ, kết quả trích xuất dữ liệu từ điện thoại di động của Nguyễn Thành L1, Đỗ Bách T1 (bằng phương pháp chụp ảnh màn hình điện thoại có thể hiện những nội dung liên quan đến việc trao đổi, giao dịch giữa L1 và T1 vào các ngày 28 và 29 tháng 5 năm 2020); kết quả sao kê giao dịch Ngân hàng và lời khai của L1 và T1, xác định: khi thực hiện giao dịch mua bán USDT với số tiền Việt Nam 7.118.000.000 đồng cho đối tượng IVy thì cả hai đều biết được nguồn tiền mua USDT là do phạm tội mà có (dù không biết cụ thể hành vi phạm tội nào) nhưng L1 và T1 đều hiểu là do hoạt động lừa đảo mà có thể hiện qua nội dung trao đổi giữa T1 và L1 qua ứng dụng Messenger vào các ngày 28, 29/5/2020 thì L1 và T1 sử dụng cụm từ "mọe cái thằng scam làm cực vãi" từ "scam" có nghĩa là "lừa đảo" và nghi ngờ số tiền T1 chuyển cho L1 là tiền bất hợp pháp nên đã nhắn tin cho T1 bảo T1 "em check (có nghĩa là kiểm tra) kỹ chứ rửa tiền là toang anh em mình nhé". L1, T1 nhận thức được hành vi hợp pháp hóa nguồn tiền do hoạt động phạm tội mà có là vi phạm pháp luật về tội "Rửa tiền" nhưng vì mục đích hưởng lợi từ giao dịch này quá lớn nên Nguyễn Thành L1 và Đỗ Bách T1 vẫn thực hiện. Như vậy, bằng nhận thức thông thường thì cũng có thể biết được số tiền trên do phạm tội mà có; đồng thời trong trường hợp này người phạm tội buộc phải biết nguồn gốc nguồn tiền do phạm tội mà có.

Trên cơ sở các hành vi khách quan và lời khai nhận của bị cáo Đỗ Bách T1 và bị cáo Nguyễn Thành L1 có tại hồ sơ vụ án, đã được Bản án sơ thẩm trích dẫn tại các bút lục từ 667 đến 771 có đủ cơ sở xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi rửa tiền đối với số tiền 7.073.749.172 đồng; do vậy, Bản án sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Đỗ Bách T1 và bị cáo Nguyễn Thành L1 phạm tội rửa tiền là có cơ sở.

Từ những hành vi phạm tội rửa tiền nêu trên, các bị cáo Đỗ Bách T1 và bị cáo Nguyễn Thành L1 đã góp phần gây ra hậu quả thiệt hại cho bị hại cụ thể:

Buộc bị cáo Đỗ Bách T1 bồi thường cho các bị hại là: 1.065.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 841.350.000 (T18 trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 223.650.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L1 bồi thường cho các bị hại là: 1.065.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 841.350.000 (T18 trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 223.650.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng

Quyết định này là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T1 và bị cáo L1.

[2]. Xem xét kháng cáo về hình phạt của bị cáo Huỳnh Hữu H1:

Theo yêu cầu của Huỳnh Vũ B, bị cáo H1 sử dụng CMND của H1 trực tiếp đến các Ngân hàng để mở tổng cộng 10 tài khoản Ngân hàng giao cho B sử dụng. Ngoài ra, H1 đã cùng với Huỳnh Vũ B thay đổi ảnh của chính mình vào CMND mang tên Trần Từ T8 đến Ngân hàng mở tài khoản và dùng CMND mang tên Huỳnh Phương Đ1 (bị cáo nói dối với Ngân hàng tên của bị cáo là Huỳnh Phương Đ1) đến Ngân hàng để mở tài khoản, tổng cộng 2 CMND này bị cáo 12 tài khoản Ngân hàng giao cho B. Từ việc mở tài khoản Ngân hàng giao cho B, H1 được hưởng lợi là 4.000.000 đồng. Do vậy, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H1 02 (Hai) năm tù, về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức", đồng thời buộc bị cáo Huỳnh Hữu H1 bồi thường cho các bị hại là: 284.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 224.360.000 (Hai trăm hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 59.640.000 (Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn) đồng là có căn cứ. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ gì mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Xem xét kháng cáo của ông Phan Hữu P và ông Nguyễn Trọng M2: Theo kết quả điều tra xác định: số tiền 10.100.000.000 đồng của ông D, bà T6 đã bị nhóm đối tượng chiếm đoạt rồi chuyển đến các tài khoản Ngân hàng gồm: tài khoản Ngân hàng T19 số 19035623251011 tên chủ tài khoản Trương Thị Cẩm T7 (đã bị Công an tỉnh B xử lý); tài khoản T19 số 19035806260011 và tài khoản BIDV bank số C tên Huỳnh Hữu H1. Từ các tài khoản này, số tiền tiếp tục được chuyển đến các số tài khoản gồm: tài khoản E số 224210301000226 tên Huỳnh Quốc V (đã bị Công an tỉnh B xử lý); tài khoản Eximbank số E, tài khoản ACB số A3, tài khoản T19 số 19035248517017, tài khoản S3 số 060227743363 tên Phạm Hữu Q2 (có sơ đồ, đường dẫn dòng tiền của người bị hại bị chiếm đoạt). Sau khi chuyển tiền sang nhiều tài khoản do đối tượng quản lý thì số tiền được chuyển vào tài khoản của Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1, Nguyễn Trọng M2, Phan Hữu P và các đối tượng bán đồng tiền mã hóa (USDT) tại Việt Nam để các đối tượng này bán và chuyển USDT cho nhóm đối tượng người nước ngoài. Cụ thể, từ tài khoản Ngân hàng T19 số: 19035248517017 chủ tài khoản Phạm Hữu Q2 chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của P tại Ngân hàng A3 số tài khoản: 12452767, số tiền nêu trên là tiền các bị cáo đã lừa

đảo, chiếm đoạt của ông Trần Hữu D bà Đoàn Thị T6, theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc ông Phan Hữu P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng, trong đó: hoàn trả cho ông Trần Hữu D số tiền: 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng, hoàn trả cho bà Đoàn Thị T6 số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng là có cơ sở pháp luật.

- Đối với Nguyễn Trọng M2: vào ngày 28/5/2020 tài khoản Ngân hàng T19 số tài khoản 19035248517017 chủ tài khoản Phạm Hữu Q2 (do Bùi Thị Thu L6 giao cho A.L1 sử dụng), có chuyển nhiều lần đến tài khoản 19025112050012 Ngân hàng T19 của Nguyễn Trọng M2 số tiền 2.000.000.000 đồng để mua USDT, nên theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) Buộc ông Nguyễn Trọng M2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền 2.000.000.000 (Hai tỉ) đồng, trong đó: hoàn trả cho ông Trần Hữu D số tiền: 1.580.000.000 (Một tỉ năm trăm tám mươi triệu) đồng, hoàn trả cho bà Đoàn Thị T6 số tiền 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng là có cơ sở pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông P, ông M2.

[4] Về án phí:

Ông Phan Hữu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc phải hoàn trả cho người bị hại; cụ thể chịu án phí trên số tiền 1.000.000.000 đồng là: 36.000.000 đồng + (3% x 200.000.000 đồng) = 60.000.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm: bị cáo kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 342, khoản 1 Điều 348 và điểm đ khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Foo Kok H; Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 19-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Foo Kok H.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của Đỗ Bách T1, Nguyễn Thành L1, Huỳnh Hữu H1, của ông Phan Hữu P, ông Nguyễn Trọng M2, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2024/HS-ST ngày 19-9-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam .

2.1- Đối với bị cáo Huỳnh Hữu H1:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu H1 02 (H13) năm tù, về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó (từ ngày 20/7/2020 đến ngày 16/12/2020).

2.2- Đối với bị cáo Đỗ Bách T1 và bị cáo Nguyễn Thành L1:

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 324; khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Bách T1 10 (M1) năm tù về tội "Rửa tiền"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ trước đó (từ ngày 20/7/2020 đến ngày 23/7/2020); phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L1 10 (M1) năm tù về tội "Rửa tiền"; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ trước đó (từ ngày 20/7/2020 đến ngày 23/7/2020); phạt bổ sung 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc ông Nguyễn Trọng M2 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền 2.000.000.000 (Hai tỉ) đồng, trong đó: hoàn trả cho ông Trần Hữu D số tiền: 1.580.000.000 (Một tỉ năm trăm tám mươi triệu) đồng, hoàn trả cho bà Đoàn Thị T6 số tiền 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu) đồng.

- Buộc ông Phan Hữu P phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền 1.000.000.000 (Một tỉ) đồng, trong đó: hoàn trả cho ông Trần Hữu D số tiền: 790.000.000 (Bảy trăm chín mươi triệu) đồng, hoàn trả cho bà Đoàn Thị T6 số tiền 210.000.000 (Hai trăm mười triệu) đồng.

- Buộc bị cáo Đỗ Bách T1 bồi thường cho các bị hại là: 1.065.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 841.350.000 (T18 trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 223.650.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thành L1 bồi thường cho các bị hại là: 1.065.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 841.350.000 (T18 trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 223.650.000 (Hai trăm hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Huỳnh Hữu H1 bồi thường cho các bị hại là: 284.000.000 đồng, trong đó bồi thường cho ông Trần Hữu D 224.360.000 (Hai trăm hai mươi

bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn) đồng và bồi thường cho bà Đoàn Thị T6 59.640.000 (Năm mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Huỳnh Hữu H1, Đỗ Bách T1 và Nguyễn Thành L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị cáo Đỗ Bách T1 phải chịu là 43.950.000 (Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Thành L1 phải chịu là 43.950.000 (Bốn mươi ba triệu chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

+ Bị cáo Huỳnh Hữu H1 phải chịu là 14.200.000 (Mười bốn triệu hai trăm ngàn) đồng.

+ Ông Nguyễn Trọng M2 phải chịu là 72.000.000 (Bảy mươi hai triệu) đồng.

+ Ông Phan Hữu P phải chịu là 60.000.000 (Sáu mươi triệu) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm Nguyễn Trọng M2, ông Phan Hữu P phải chịu mỗi người là 300.000 đồng.

5. Các quyết định còn lại không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án sơ thẩm.

6. Tr¬ường hợp bản án đ¬ược thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ngư¬ời đ¬ược thi hành án dân sự, ng¬ười phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ¬ược thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Quảng Nam;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Long

- Lưu HSVA, LT.